

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 280/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Kim Ngọc T, sinh năm 1992 (có mặt).

HKTT: khóm M, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: số B, khu phố B, thị trấn L, huyện E, tỉnh Long An.

Bị đơn: Đặng Trung A, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/4/2020, chị Huỳnh Kim Ngọc T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh A sống chung từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Bình. Thời gian đầu đời sống hôn nhân rất hạnh phúc. Tuy nhiên, do không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn nên thời gian sau giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng trong suy nghĩ và cách sống. Chị T và anh A đã nhiều lần nói chuyện tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn sống chung. Nay nhận thấy không thể duy trì hôn nhân nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh A.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Thanh H, sinh ngày 12/4/2011 hiện do anh A nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tương ứng với từng thời điểm cấp dưỡng.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn và nuôi con, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh A là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh A có kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 09/6/2011 của UBND xã B. Chị T trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mặc dù có hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, từ năm 2015 đến nay vợ chồng đã không còn chung sống. Về phía anh A là bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh A là đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Thanh H, sinh ngày 12/4/2011 hiện do anh A nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện cháu Hùng đang chung sống với anh A ổn định, anh A cũng không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, nay chị T đồng ý để

anh A được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Chị T không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tương ứng với từng thời điểm cấp dưỡng đến khi cháu Hùng đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, anh A cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc chị T tự nguyện cấp dưỡng như trên là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Kim Ngọc T được ly hôn với anh Đặng Trung A.

2. Về nuôi con: Anh Đặng Trung A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thanh H, sinh ngày 12/4/2011. Chị Huỳnh Kim Ngọc T đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tương ứng với từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Huỳnh Kim Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Kim Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003708, ngày 03/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo